CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 28NS/QNS/2023

SỮA ĐẬU NÀNH
FAMI GREEN SOY
KHÔNG BỔ SUNG ĐƯỜNG

2023

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 28NS/QNS/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Điện thoại: 0255 3726110 – 0255 3726616.

Fax: 0255 3822843.

E-mail: info@qns.com.vn; info@vinasoy.com.

Mã số doanh nghiệp: 4300205943.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở đã được cấp chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm theo FSSC 22000; HACCP Codex.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: SỮA ĐẬU NÀNH FAMI GREEN SOY KHÔNG BỔ SUNG ĐƯỜNG

2. Thành phần:

- Dịch nghiền từ đậu nành hạt 99,6% (nước, đậu nành hạt), hương liệu giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, chất ổn định (471, 407, 500(ii)), muối ăn.
- Có chứa đậu nành.
- Sử dụng đậu nành hạt chọn lọc, không biến đổi gen (Non-GMO).
- Không sử dụng chất bảo quản.
- Không bổ sung đường saccaroza.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

  Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1 Quy cách bao gói:

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp ở dạng rời hoặc được tạo thành dạng lốc trước khi xếp vào thùng carton.
- Sản phẩm được chiết rót với thể tích thực: 180 ml/hộp.
- Ngoài ra có thể đóng gói với các loại thể tích khác theo yêu cầu của khách hàng.

(sai số định lượng phù hợp quy định Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).

4.2 Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong bao bì giấy Tetra Pak bên trong là lớp nhựa PE chuyên dùng, đảm bảo các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam.

Sản phẩm của Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi.

Sản xuất tại các Nhà máy:

- Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy – Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi (ký hiệu A).

  Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

- Nhà máy Sữa đậu nành Vinasoy Bắc Ninh – Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi (ký hiệu B).

  Địa chỉ: Đường TS5, Khu CN Tiên Sơn, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

- Nhà máy Sữa đậu nành Vinasoy Bình Dương (VND) – Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi (ký hiệu C).

  Địa chỉ: Số 15, đường số 31, KCN VSIP II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Các nhà máy sản xuất của Vinasoy đã được chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm theo FSSC 22000; HACCP Codex.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 6-2: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn (áp dụng đối với nhóm chỉ tiêu vi sinh và kim loại nặng).
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

3. Tiêu chuẩn Quốc gia số:

- TCVN 12443:2018- Sữa đậu nành.

4. Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số: TCCS 28:2023/NS-QNS

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 12 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Thành Đàng

vinasoy®

Hạng mục: Bao bì brik Fami Green Soy - Không bổ sung đường
Ngày thực hiện: 20/11/2023
Mã số TK: GS36H-NS-201123

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 4300205943-0 - C.T.C.P. - NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI - TP. QUẢNG NGÃI T. QUẢNG NGÃI

Huỳnh Sơn Hải

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC
VIMCERTS 147

Mã số mẫu/ Sample code BN32306.28103741 MM32306.281037414	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 26/07/2023

Tên khách hàng/ *Customer* : **NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ/ *Address* : SỐ 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ *Name of sample* : **SỮA ĐẬU NÀNH FAMI GREEN SOY KHÔNG BỔ SUNG ĐƯỜNG**

Số lượng/ *Quantity* : 1

Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 28/06/2023

Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 06/07/2023

STT/ *No*	**Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters***	**Đơn vị tính/ *Unit***	**Kết quả/ *Result***	**Phương pháp/ *Test method***
1	Clostridium perfringens	CFU/mL	< 01	ISO 7937:2004 (*)
2	Coliforms	CFU/mL	< 01	ISO 4832:2006 (*)
3	Escherichia coli	CFU/mL	< 01	ISO 16649-2:2001 (TCVN 7924-2:2008) (*)
4	Pseudomonas aeruginosa	CFU/mL	< 01	ISO 16266:2006
5	Staphylococcus aureus	CFU/mL	< 01	ISO 6888-1:2021 (*)
6	Streptococci faecal	CFU/mL	< 01	ISO 7899-2:2000
7	Tổng nấm men, nấm mốc	CFU/mL	< 01	ISO 21527-1:2008 (*)
8	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/mL	< 01	ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ *Method is accreditated by VILAS.*

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TS. Trương Huỳnh Anh Vũ

TUQ. GIÁM ĐỐC / PER PRO. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Hùng

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC
VIMCERTS 147

Mã số mẫu/ Sample code BN32306.28103741 MM32306.281037414	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 26/07/2023

Tên khách hàng/ *Customer* : **NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ/ *Address* : SỐ 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ *Name of sample* : **SỮA ĐẬU NÀNH FAMI GREEN SOY KHÔNG BỔ SUNG ĐƯỜNG**

Số lượng/ *Quantity* : 1

Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 28/06/2023

Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 06/07/2023

STT/ *No*	**Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters***	**Đơn vị tính/ *Unit***	**Kết quả/ *Result***	**Phương pháp/ *Test method***
1	Pb	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (2022) (Ref. AOAC 999.11) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ *Method is accreditated by VILAS.*
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ *Method Detection Limit.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Trần Thị Hiền

TUQ. GIÁM ĐỐC / PER PRO. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Hùng

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2 - 67, F2 - 68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
(84.292) 3918217 - 3918 218
kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ; ketoancantho@case.vn
case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmientrung@case.vn

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC
VIMCERTS 147

Mã số mẫu/ Sample code BN32306.28103741 MM32306.281037414	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 26/07/2023

Tên khách hàng/ *Customer* : **NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ/ *Address* : SỐ 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ *Name of sample* : **SỮA ĐẬU NÀNH FAMI GREEN SOY KHÔNG BỔ SUNG ĐƯỜNG**

Số lượng/ *Quantity* : 1

Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 28/06/2023

Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 06/07/2023

STT/ ***No***	**Chỉ tiêu kiểm nghiệm/** ***Parameters***	**Đơn vị tính/** ***Unit***	**Kết quả/** ***Result***	**Phương pháp/** ***Test method***
1	Aflatoxin B1	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (2020) (*)
2	Aflatoxin B1, B2, G1, G2	µg/kg	Aflatoxin B1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B2: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G2: Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (2020) (*)
3	Ochratoxin A	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0069 (2019) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ *Method is accreditated by VILAS.*

MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ *Method Detection Limit.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Trần Thị Hiền

TUQ. GIÁM ĐỐC / PER PRO. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Hùng

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
(84.292) 3918217 - 3918 218
kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ; ketoancantho@case.vn
case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmientrung@case.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00079790
Mã số kết quả : AR-23-VD-084599-01-VI / EUVNHC-00220954

NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ, TP. QUẢNG NGÃI
T. QUẢNG NGÃI, Việt Nam

Mã số mẫu do khách hàng thiết lập :	T133
Tên mẫu :	SỮA ĐẬU NÀNH FAMI GREEN SOY KHÔNG BỔ SUNG ĐƯỜNG
Tình trạng mẫu :	Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu :	28/06/2023
Thời gian thử nghiệm :	29/06/2023 - 04/07/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	05/07/2023
Mã số PO của khách hàng :	NA9J2306283397
Mã số mẫu EoI :	005-32410-220989

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD290 VD (a) **Sulfur dioxide (SO_2)**	mg/ kg	AOAC 990.28	Không phát hiện (LOD=3)
2	VD30B VD (a) **Natri benzoat**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD0J2 VD **2,4-D**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
4	VD1HU VD **Diquat**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
5	VDN9M VD (a) **Glufosinat-amoni**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Không phát hiện (LOD=0.01)
6	VDG3L VD (a) **Glyphosate**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Không phát hiện (LOD=0.003)
7	VD2U9 VD **Chlorpyrifos**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
8	VD3CH VD (a) **Acephat**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
9	VD2C7 VD (a) **Benzoic acid**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
10	VD3CM VD (a) **Aldicarb**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
11	VD3P3 VD (a) **Azinphos-methyl**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
12	VD3FT VD (a) **Azoxystrobin**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
13	VD3ET VD (a) **Bentazon**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
14	VD3FU VD (a) **Benzovindiflupyr**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
15	VD3CI VD (a) **Carbaryl**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD3CJ VD (a) **Carbendazim**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
17	VD3F2 VD (a) **Chlorantraniliprole**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
18	VD3FS VD (a) **Clethodim**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
19	VD3CZ VD (a) **Cycloxydim**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
20	VD2UA VD **Cyfluthrin and beta-cyfluthrin**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
21	VD3DF VD (a) **Cyproconazole**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
22	VD3CL VD (a) **Diazinon**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
23	VD42W VD **Dicamba**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
24	VD3D0 VD (a) **Difenoconazole**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
25	VD4CZ VD (a) **Dimethenamid-p**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
26	VD3A7 VD (a) **Endosulfan**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
27	VD3D2 VD (a) **Fenitrothion**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
28	VD4CN VD (a) **Fenpropathrin**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
29	VD3DA VD (a) **Flusilazole**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
30	VD3LS VD (a) **Flutriafol**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
31	VD3FD VD (a) **Fluxapyroxad**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
32	VD3EH VD (a) **Haloxyfop**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
33	VD3CQ VD **Imazamox**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
34	VD3EN VD (a) **Indoxacarb**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
35	VD3EV VD (a) **Mesotrione**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
36	VD3JH VD (a) **Metalaxyl**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
37	VD3DB VD (a) **Methamidophos**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
38	VD3D3 VD (a) **Methomyl**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
39	VD3BH VD (a) **Penthiopyrad**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
40	VD3BV VD (a) **Permethrin**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
41	VD3D5 VD (a) **Phorate**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
42	VD3F7 VD **Propiconazole**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
43	VD3FZ VD (a) **Prothioconazole**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
44	VD3CS VD (a) **Pyraclostrobin**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
45	VD3XG VD (a) **Quintozene**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
46	VD42R VD (a) **Spinosad**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
47	VD3QH VD (a) **Spirotetramat**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
48	VD3FP VD (a) **Sulfoxaflor**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
49	VD3CF VD (a) **Tebuconazol**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM

M.S.D.N: 0311526885-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH EUROFINS SÁC KÝ HẢI ĐĂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 11/07/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/07/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC
VIMCERTS 147

Mã số mẫu/ Sample code BN32306.28103741 MM32306.281037414	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 26/07/2023

Tên khách hàng/ *Customer* : **NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ/ *Address* : SỐ 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ *Name of sample* : **SỮA ĐẬU NÀNH FAMI GREEN SOY KHÔNG BỔ SUNG ĐƯỜNG**

Số lượng/ *Quantity* : 1

Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 28/06/2023

Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 06/07/2023

STT/ *No*	**Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters***	**Đơn vị tính/ *Unit***	**Kết quả/ *Result***	**Phương pháp/ *Test method***
1	GMO	-	Định tính GMO bằng phương pháp sàng lọc: Promoter CaMV 35S: Không phát hiện Terminator NOS: Không phát hiện (LOD= 0,1%)	ISO 21569:2005/Amd 1:2013 (Phụ lục/Annex B1, B3) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ *Method is accreditated by VILAS.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TS. Trương Huỳnh Anh Vũ

TUQ. GIÁM ĐỐC / PER PRO. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Hùng

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
(84.292) 3918217 - 3918 218
kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ; ketoancantho@case.vn
case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmientrung@case.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 102 /QNS-KCS	*Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 4 năm 2024.*
V/v bổ sung nhãn mới vào13 hồ sơ Tự công bố sản phẩm của Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy.	

Kính gửi: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Quảng Ngãi.

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 "*Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm*";

Căn cứ 13 hồ sơ tự công bố sản phẩm của Nhà máy sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi;

Để thực hiện đúng quy định Nhà nước về công bố sản phẩm, Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi bổ sung 13 nhãn mới đính kèm vào các hồ sơ Tự công bố sản phẩm như sau:

TT	Tên sản phẩm	Số Bản tự công bố sản phẩm	Ngày có hiệu lực	Số lượng nhãn bổ sung
1	Sữa đậu nành Fami Go vị đậu đỏ nếp cẩm	06NS/QNS/2023	05/6/2023	01
2	Sữa đậu nành Fami nguyên chất ít đường	08NS/QNS/2023	05/6/2023	01
3	Sữa đậu nành Fami nguyên chất	10NS/QNS/2023	05/6/2023	01
4	Sữa đậu nành Fami Canxi	12NS/QNS/2023	05/6/2023	01
5	Sữa đậu nành Fami Canxi ít đường	13NS/QNS/2023	05/6/2023	01
6	Sữa đậu nành Fami nguyên chất vị sữa dừa	17NS/QNS/2023	05/6/2023	01
7	Sữa đậu nành Fami nguyên chất vị đường đen	18NS/QNS/2023	05/6/2023	01
8	Sữa đậu nành Fami Canxi vị cà phê	20NS/QNS/2023	05/6/2023	01
9	Sữa đậu nành Fami Canxi vị phô mai	21NS/QNS/2023	05/6/2023	01

10	Sữa đậu nành Fami Canxi Plus	25NS/QNS/2023	05/6/2023	01
11	Sữa đậu nành Fami Canxi vị Sô cô la	27NS/QNS/2023	05/6/2023	01
12	Sữa đậu nành Fami Green Soy không bổ sung đường	28NS/QNS/2023	05/12/2023	01
13	Sữa đậu nành Fami Green Soy rất ít đường (**)	29NS/QNS/2023	05/12/2023	01

Công ty cam kết:

- Sản phẩm này khi sử dụng nhãn bao bì mới vẫn giữ nguyên chất lượng như đã công bố.

- Các thông tin ghi trên nhãn đều phù hợp với các quy định hiện hành và bổ sung các nhãn này vào bộ hồ sơ Tự công bố đang lưu giữ tại Công ty.

Kính trình Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Quảng Ngãi tiếp nhận nhãn sản phẩm của Công ty bổ sung vào hồ sơ Tự công bố đang lưu giữ tại Chi cục./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- NM Sữa VNS, Phòng KCS Cty;
- Lưu: HCVT Cty.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Võ Thành Đàng

Đính kèm: *13 (mười ba) nhãn sản phẩm.*

vinasoy®

Hạng mục: Bao bì brik Fami Green Soy AOP5 - Không bổ sung đường
Ngày thực hiện: 16/02/2024
Mã số TK: GN36H-AOP5-160224

DUYỆT

GIÁM ĐỐC

NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
M.S.D.N: 4300205943-01 C.T.C.P
TP. QUẢNG NGÃI T. QUẢNG NGÃI

Huỳnh Sơn Hải